

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số
điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét các đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Nam Đông tại Công văn số
662/CVTTYT ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường
của Cơ sở Trung tâm y tế huyện Nam Đông; Công văn số 886/TTYT-KH-NV&ĐD
ngày 01 tháng 8 năm 2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa
trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT cơ sở “Trung tâm y tế huyện Nam Đông”;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
343/TTr-STNMT-MT ngày 15 tháng 8 năm 2024;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm y tế huyện Nam Đông, địa chỉ văn phòng:
khu vực II, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực
hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Nam
Đông” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm y tế huyện Nam Đông.

1.2. Địa điểm hoạt động: khu vực II, thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông,
tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: Số 0330/TTH-GPHĐ
ngày 16/12/2022 của Sở y tế UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc cấp phép hoạt
động khám bệnh, chữa bệnh cho Trung tâm y tế huyện Nam Đông.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.5. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 15.242 m²

- Quy mô giường bệnh và khám chữa bệnh: Trung tâm y tế có quy mô 50 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Nam Đông có trách nhiệm:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện Nam Đông;
- UBND huyện Nam Đông;
- UBND thị trấn Khe Tre;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 44 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 3: phát sinh từ khu vực căng tin.
- Nguồn số 4: phát sinh từ khu vực giặt sấy.
- Nguồn số 5: phát sinh từ quá trình rửa tay sát khuẩn tại kho chất thải nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: Nước thải phát sinh tại Trung tâm y tế huyện Nam Đông được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Khe nước nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm y tế về phía Bắc, thuộc thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông

2.2.1. Vị trí xả nước thải: Nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm theo hướng Bắc thuộc thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trực 107⁰, múi chiều 3⁰): X (m) = 1788517,30; Y (m) = 576295,52.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 100 m³/ngày. đêm (24 giờ);

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: bơm và xả ngầm.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ);

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị Cmax, Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan trắc
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị Cmax, Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		tự động, liên tục
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/100mL	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải tại cơ sở

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, tắm rửa, vệ sinh,... được tách rác sơ bộ sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được tách rác sơ bộ thu gom sau đó đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu giặt sấy được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng các ống nhựa uPVC D160, uPVC D180, uPVC D200 đi âm trong tường và dưới sàn dài khoảng 60m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- Nước thải từ quá trình rửa tay sát khuẩn tại kho chất thải nguy hại được thu gom bằng ống nhựa uPVC D100 chiều dài 10m đi âm trong tường về hệ

thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

1.1.2. Mạng lưới thoát nước thải, điểm xả nước thải sau xử lý

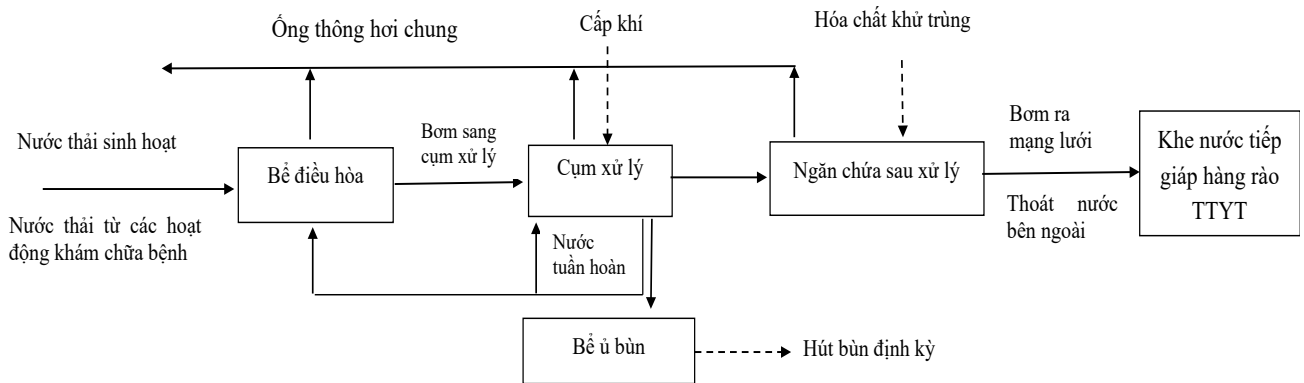
- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng ống uPVC DN75 đổ vào khoang chứa nước sau xử lý, sau đó được dẫn bằng ống nhựa uPVC DN200 đi ngầm dưới đất dẫn nước thải đổ ra khe nước nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm y tế ở phía Bắc sau đó tự chảy ra sông Tả Trạch qua đoạn thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất xử lý: 100 m³/ngày đêm.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải



- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (giá trị C_{max} , cột A, $K=1,2$; đối với các thông số pH, tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera sử dụng hệ số $K=1$) được dẫn ra khe nước nằm tiếp giáp với hàng rào của Trung tâm về phía Bắc rồi tự chảy ra sông Tả Trạch.

- Kích thước các bể xử lý:

Stt	Tên bể	Vật liệu	Kích thước L×W×H (m)
1	Bể điều hòa	BTCT M200	2×1,0×1,5
2	Ngăn điều hòa lưu lượng	BTCT M200	2×1,0×1,5
3	Ngăn khử Nito	BTCT M200	7,7×4,9×2
4	Khoang đệm vi sinh lưu động	Thiết bị hợp khối	D = 2,5m
5	Khoang tuần hoàn	Thiết bị hợp khối	0,6 x 1,2x1,7

Stt	Tên bể	Vật liệu	Kích thước L×W×H (m)
6	Khoang lọc	Thiết bị hợp khối	0,6 x 1,2x1,7
7	Khoang khử trùng	Thiết bị hợp khối	0,6 x 1x1,7
8	Khoang chứa nước sau xử lý	BTCT M200	1x1x1,5

- Danh mục máy móc thiết bị:

Stt	Mô tả	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Song chắn rác	Chế tạo theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304; Khe hở song: 10-30mm	Cái	01
2	Hộp phân phối lưu lượng	Chế tạo theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304	Cái	01
3	Hệ thống sục khí bể điều hòa	Theo thiết kế; Vật liệu Inox SUS304	Hệ	01
4	Modul thiết bị Chế tạo bằng phương pháp đúc áp lực, bên trong lắp đặt đầy đủ các thiết bị bơm, điều khiển, đệm vi sinh chuyên dụng... tất cả trang bị cho một đơn nguyên xử lý nước thải đầy đủ. Công suất 150m ³ /ng.đ	Nhập khẩu; sử dụng công nghệ vi sinh cao tải lên đến 20.000 gVSV/m ³ nước thải; vật liệu chế tạo Composit	Modul	03
5	Máy thổi khí đặt trong nhà điều hành	Nhập khẩu	Cái	03
6	Hệ thống cấp điện cho hệ thống xử lý	Bao gồm cáp điện, tủ điện ...	Hệ thống	01
7	Máy thổi khí AAO	Công suất 2,2 KW	Cái	02
8	Máy sục khí	Công suất 1,5 KW	Cái	01
9	Bơm điều hòa	Công suất 0,75 KW	Cái	02
10	Bơm nước sau xử lý	Công suất 0,4 KW	Cái	02

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 44 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3° như sau:

X (m): 1788456,80; Y (m): 576313,25.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong Trung tâm.
- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải trong Trung tâm.
- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Trung tâm.
- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động cũng như tiếng ồn có thể phát sinh.

- Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.

- Bố trí hệ thống thông gió có kết hợp các thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió, để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động bên ngoài.

- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị của Trung tâm.

- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Trung tâm. Phổ biến quy định thăm bệnh của Trung tâm đến bệnh nhân và thân nhân.

- Thường xuyên dọn dẹp, chặt cây bụi, vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 44 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể tồn tại)	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	LN	Rắn/lỏng	690
II	CTNH không lây nhiễm				
1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	25
2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Đ	Rắn/lỏng	5
Tổng cộng					720

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được thống kê như sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể tồn tại thông thường)	Khối lượng (Kg/năm)
A	CTR thông thường dùng để tái chế	-	-	139
I	Chất thải là vật liệu giấy			
1	Giấy, báo, bìa, thùng các-tông, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy	18 01 05	Rắn	30

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể tồn tại thông thường)	Khối lượng (Kg/năm)
A	CTR thông thường dùng để tái chế	-	-	139
II	Chất thải là vật liệu nhựa			
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	25
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	45
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	39
III	Chất thải là vật liệu kim loại			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	40
B	CTR thông thường không sử dụng để tái chế	-	-	17.993
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	17.993
Tổng cộng				18.132

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 10m² ở hướng Đông Bắc của Trung tâm
- Bố trí 03 thùng dung tích 240 lít/thùng, chất liệu HDPE có nắp đậy, có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom chất thải nguy hại.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thu gom chất thải rắn thông thường: chất thải rắn thông thường sử

dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng.

- Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: bố trí 10 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20lít/thùng và thùng có lót túi màu trắng, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt tại các phòng điều trị, dọc hành lang các khoa.

- Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: bố trí 20 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20lít/thùng và thùng có lót túi màu xanh, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt dọc hành lang cuối các khoa.

- Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng khuẩn.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh tại Cơ sở sẽ được Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế thu gom trong ngày. Khi hợp đồng vận chuyển hết hạn, Trung tâm cam kết sẽ tiếp tục hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định

* Đối với thức ăn thừa:

- Khối lượng thức ăn thừa: Khoảng 05kg/ngày

- Bố trí 05 xô nhựa màu xanh đựng thức ăn thừa dung tích 4lít tại cuối hành lang mỗi khoa.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố tai nạn lao động

- Trang bị đầy đủ trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân viên làm việc tại Trung tâm.

- Xây dựng, ban hành và yêu cầu cán bộ, công nhân viên thực hiện nghiêm túc các nội quy lao động, nội quy về trang bị bảo hộ lao động.

- Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành các nội quy lao động của cán bộ, công nhân viên.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị.

2. Sự cố tai nạn giao thông

- Quy định giới hạn tốc độ các phương tiện khi ra vào Trung tâm.

- Điều tiết các phương tiện giao thông ra vào Trung tâm hợp lý, tránh trường hợp ra vào cùng một thời điểm gây ách tắc giao thông.

- Tuyên truyền cho cán bộ, công nhân viên ý thức bảo đảm an toàn giao thông khi lưu thông.

3. Sự cố cháy nổ

- Trang bị các biển báo cấm lửa, các tiêu lệnh chữa cháy và các thiết bị, phương tiện chữa cháy khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC.
- Nội quy PCCC, tiêu lệnh chữa cháy, các quy định: được niêm yết tại các khu vực dễ thấy.
- Trang bị hệ thống điện có hệ thống tự động đóng ngắt.
- Bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như: bình chữa cháy các loại, hệ thống chữa cháy vách tường,...tại hành lang các khoa trong trung tâm y tế.
- Bố trí lối thoát nạn thuận lợi cho việc thoát nạn khi có sự cố cháy nổ xảy ra.
- Yêu cầu CBCNV thực hiện nghiêm túc các nội quy về PCCC tại Trung tâm.
- Tổ chức tập huấn cách sử dụng các thiết bị PCCC cho cán bộ, công nhân viên.
- Xây dựng nội quy, quy chế an toàn phòng chống cháy nổ treo nơi dễ nhìn thấy

4. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.
- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...
- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hằng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi...

5. Sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

6. Sự cố rò rỉ hoá chất, nhiên liệu

Đối với nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải và các nhân viên làm việc khu vực ẩm thấp, do thường xuyên làm việc trong không gian hẹp, nên cần thực hiện nghiêm túc các biện pháp sau:

- Phải được hướng dẫn và huấn luyện các nguyên tắc an toàn, cách sử dụng bình dưỡng khí để cấp cứu;
- Khi làm việc phải có người giám sát tại nơi làm việc.
- Phải có thiết bị thông gió cưỡng bức (quạt) để xua tan khí độc và cung cấp không khí sạch;
- Luôn luôn kiểm tra lượng oxy đủ hay không trước khi làm việc.
- Phải mang đầy đủ các phương tiện bảo vệ cá nhân (mặt nạ phòng độc, bình oxy cá nhân...) và dây bảo hiểm phải được nối với khu vực bên ngoài nơi làm việc.

- Trung tâm tiến hành lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố.
- Trang bị các thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố.
- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, áp dụng các biện pháp an toàn.
- Bên cạnh đó, khi xảy ra sự cố:
 - + Ngay lập tức thực hiện các biện pháp sơ cứu.
 - + Báo cáo ngay với người có trách nhiệm.
 - + Lập biên bản ghi lại nội dung sự cố, nguồn gốc phát sinh sự cố, những vấn đề nguy hiểm có thể xảy ra.
 - + Thực hiện các biện pháp giám sát y tế: xét nghiệm máu hoặc các xét nghiệm khác nếu có chỉ định.
 - + Điều tra sự việc, xác định và thực hiện các hành động khắc phục hậu quả để ngăn ngừa các sự cố tương tự xảy ra trong tương lai.
 - + Bổ sung các lưu ý về vấn đề an toàn, giám sát y tế nếu cần thiết.
 - + Các khu vực bị ô nhiễm phải được làm sạch và khử trùng nếu cần thiết.
 - + Hạn chế tối đa sự tiếp xúc của nhân viên trong quá trình làm sạch.
 - + Hạn chế tối đa sự tác động của sự cố đến bệnh nhân, CBCNV khác và môi trường.

7. Sự cố rò rỉ tia bức xạ

- Phòng chiếu chụp X-Quang xây dựng đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn;
- Kiểm tra độ an toàn về tia xạ theo quy định của “Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát bức xạ” do Nhà nước ban hành trước khi sử dụng;
- Trang bị liều kế cá nhân và theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên;
- Xây dựng quy trình và nội quy làm việc với bức xạ và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

8. Sự cố nước thải rò rỉ từ hệ thống

- Lắp đặt hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động, có thể hoạt động liên tục 24/24 giờ, bền bỉ và ổn định trong thời gian dài;
- Các hệ thống thiết bị chính trong Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo tiêu chuẩn 1 + 1, gồm 2 thiết bị, được cài đặt chế độ điều khiển tự động chạy song song hoặc thay đổi chạy luân phiên (6 giờ/lượt), nhằm kéo dài tuổi thọ các thiết bị.
- Các vật tư, linh kiện, thiết bị chế tạo hệ thống được lựa chọn, đặt sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng cao, phổ biến, dễ thay thế, sửa chữa nhanh trong 1-2 ngày. Kỹ thuật viên có thể thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế ngay cả khi không cần tắt điện toàn bộ hệ thống;
- Tủ điều khiển của Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế, cài đặt các chế độ điều khiển hệ thống tự động; có các hệ thống phụ trợ kiểm soát điện áp, nhiệt độ, quá dòng, quá tải, lưu lượng và báo lỗi để duy trì hệ thống hoạt động ổn định trong thời gian dài. Các thiết bị chính được thiết kế mạch

đóng/cắt và mạch bảo vệ nhiều lớp riêng biệt. Khi có thiết bị gặp sự cố, mạng báo lỗi trên tủ điều khiển được kích hoạt báo sớm cho người vận hành và mạch bảo vệ sẽ ngắt thiết bị (nếu đến ngưỡng) để bảo đảm các thiết bị không bị hư hỏng nặng và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của toàn HTXLNT.

- Hệ thống xử lý nước thải được cài đặt chế độ tự động điều chỉnh khi lưu lượng nước thải đạt Max/ Min nhằm tiết kiệm điện năng, chi phí vận hành, giảm thiểu phát sinh mùi hôi, vi khuẩn và ổn định chất lượng nước thải đầu ra;

- Công suất thiết kế đáp ứng xử lý lượng nước thải phát sinh tối đa trong ngày và phù hợp qui mô của Cơ sở.

- Hệ thống bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga được thiết kế đảm bảo lưu chứa được 150 -200% lượng nước thải phát sinh trong ngày phòng trường hợp hệ thống phải dừng hoạt động hoàn toàn để kiểm tra, thay thế thiết bị;

- Bố trí hố kiểm tra ngay trước vị trí xả thải ra bên ngoài để kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời nước thải sau khi xử lý chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động liên tục;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các hiện tượng nứt vỡ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường đất và nước dưới đất xung quanh;

- Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hoạt động của hệ thống và những bất thường của hệ thống trong quá trình hoạt động;

- Đóng khóa van xả sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa ở bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga và bơm về hệ thống để xử lý khi hoàn tất công tác khắc phục.

9. Sự cố môi trường do chất thải y tế

- Xây dựng, ban hành các hướng dẫn về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- + Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản, hướng dẫn liên quan đến phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- + Xây dựng hướng dẫn về lập kế hoạch PN&UPSCMT do chất thải y tế;

- + Xây dựng quy trình ứng phó sự cố môi trường cho các loại sự cố chất thải y tế tại Cơ sở;

- + Xây dựng các kịch bản và thực hành diễn tập về quy trình ứng phó sự cố cho các loại sự cố môi trường tại Cơ sở;

- + Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường sau sự cố cho một số loại sự cố môi trường điển hình do chất thải y tế;
- + Xây dựng hệ thống quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;
- Đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế:
 - + Thành lập Ban chỉ huy PN&UPSC và Đội UPSCMT tại Cơ sở;
 - + Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PN&UPSC do chất thải y tế.

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 44 /GPMT-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2024 của UBND tỉnh)

1. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.